## KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 7

**I. KHUNG MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra học kì 2 khi kết thúc nội dung chương X: Sinh sản ở sinh vật.*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 13 câu, thông hiểu: 7 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 5,0 điểm *(Nhận biết: 0,75 điểm; Thông hiểu: 1,25 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

- Nội dung nửa đầu học kì 2:  *25% (2,5 điểm; Chủ đề 1:10 tiết, chủ đề 2: 22 tiết)*

- Nội dung nửa sau học kì 2: *75% (7,5 điểm; Chủ đề 2-3-4-5: 31 tiết)*

**I.KHUNG MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |  |  | *12* |
| *1. Từ (10 tiết)* |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  | 3 | 0,75 |
| *2. Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật (30 tiết)* |  | **4** | 1 | **3** |  |  | 1 |  | 2 | 7 | 3,75 |
| *3. Cảm ứng ở sinh vật (6 tiết)* |  | **1** |  | **1** | 1 |  |  |  | 1 | 2 | 1,5 |
| *4. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (7 tiết)* |  | **1** |  | **1** | 1 |  |  |  | 1 | 2 | 1,5 |
| *5. Sinh sản ở sinh vật (10 tiết)* | 1 | **4** |  | **2** |  |  |  |  | 1 | 6 | 2,5 |
| **Số câu** | 1 | **13** | 1 | **7** | 2 |  | 1 |  | 5 | 20 |  |
| **Điểm số** | **0,75** | **3,25** | **1,25** | **1,75** | **2** |  | **1** |  |  |  | **10** |
| **% điểm số** | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | |  | | **(100%)** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| *TL*  *(Số câu)* | *TN*  *(Số câu)* | *TL*  *(Số câu)* | *TN*  *(Số câu)* |
| ***1. Từ*** | | |  | **2** |  |  |
| - Từ trường | **Nhận biết** | - Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.  - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm.  - Nêu được khái niệm đường sức từ. |  | 1 |  | C1 |
| **Vận dụng** | - Vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. |  |  |  |  |
| - Từ trường Trái Đất | **Nhận biết** | - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường.  - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. |  | 2 |  | C2,C10 |
| - Nam châm điện | **Vận dụng** | - Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Thiết kế và chế tạo được sản phẩm đơn giản ứng dụng nam châm điện (như xe thu gom đinh sắt, xe cần cẩu dùng nam châm điện, máy sưởi mini, …) |  |  |  |  |
| **2. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật** | | | **2** | **6** |  |  |
| - Vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  - Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. |  | 1 |  | C13 |
| - Chuyển hoá năng lượng ở tế bào | **Nhận biết** | - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào. |  | 1 |  | C3 |
| **Thông hiểu** | - Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  - Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ; thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải. |  | 1 |  | C6 |
| **Vận dụng** | - Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.  - Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.  - Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt. |  |  |  |  |
| - Trao đổi  Trao đổi khí | **Thông hiểu** | - Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.  - Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng.  - Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người) | 1 |  | C25 |  |
| **-** Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở sinh vật | **Nhận biết** | - Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.  + Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước;  + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; |  | 2 | C4,C5 |  |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.  - Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật và động vật, cụ thể:  + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây;  + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống).  + Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);  + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);  + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. |  | 2 |  | C7, C8 |
| **Vận dụng** | - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá  - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...) | **1** |  | **C22** |  |
| **3. Cảm ứng ở sinh vật** | | | **1** | **3** |  |  |
| - Khái niệm cảm ứng  - Cảm ứng ở thực vật  - Cảm ứng ở động vật  - Tập tính ở động vật: khái niệm, ví dụ minh hoạ  - Vai trò cảm ứng đối với sinh vật | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.  - Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật.  - Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật;  - Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. |  | 1 | C9 |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). |  | 1 |  | C11 |
| **Vận dụng** | - Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật).  - Lấy được ví dụ minh hoạ về tập tính ở động vật.  - Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt). | 1 |  | C23 |  |
| **Vận dụng cao** | Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật. |  |  |  |  |
| **4. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật** | | | **1** | **3** |  |  |
| - Khái niệm sinh trưởng và phát triển | **Nhận biết** | Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. |  | 1 |  | C12 |
| **Thông hiểu** | Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. |  |  |  |  |
| - Cơ chế sinh trưởng ở thực vật và động vật | **Thông hiểu** | - Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên. |  | 1 |  | C14 |
| **Vận dụng** | Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng.  Vận dụng kiến thức mô tả đặc điểm thể hiện các dấu hiệu của sinh trưởng và phát triển ở người. |  |  |  |  |
| - Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | **Thông hiểu** | - Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó. |  |  |  |  |
| - Các nhân tố ảnh hưởng | **Thông hiểu** | Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng). |  |  |  |  |
| - Điều hoà sinh trưởng và các phương pháp điều khiển sinh trưởng, phát triển | **Thông hiểu** | Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kính thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật.  - Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi). | 1 |  | C21 |  |
| **5. Sinh sản ở sinh vật** | | | **1** | **6** |  |  |
| - Khái niệm sinh sản ở sinh vật | **Nhận biết** | Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật. |  |  |  |  |
| - Sinh sản vô tính | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.  - Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn. | 1 | 1 | C24 | C17 |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.  - Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  | 1 |  | C19 |
| **Vận dụng** | Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô). |  |  |  |  |
| - Sinh sản hữu tính | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật.  - Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính.  - Các hình thức sinh sản ở sinh vật |  | 2 |  | C15,C16 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.  - Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật:  + Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính.  + Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả.  - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng). |  | 1 |  | C20 |
| **Vận dụng** | Nêu được một số ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| - Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật | **Nhận biết** | Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật |  |  |  |  |
| - Điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật | **Nhận biết** | - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật. |  | 1 |  | C18 |
| **Vận dụng** | Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). |  |  |  |  |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 NĂM HỌC 2022 - 2023**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Câu 1.** Ta nói rằng tại một điểm A trong không gian có từ trường khi

**A.** một vật nhẹ để gần A hút về phía A.

**B.** một thanh đồng để gần A bị đẩy ra xa A.

**C.** một thanh nam châm đặt tại A bị quay lệch khỏi hướng Nam-Bắc.

**D.** một thanh nam châm đặt tại A bị nóng lên.

**Câu 2.** Khi sử dụng kim nam châm để phát hiện sự có mặt của từ trường tại một điểm nếu

A. kim nam châm chỉ hướng Đông – Tây thì tại điểm đó có từ trường.

B. kim nam châm chỉ hướng Đông – Nam thì tại điểm đó không có từ trường.

C. kim nam châm chỉ hướng Tây – Bắc thì tại điểm đó không có từ trường.

D. kim nam châm chỉ hướng Bắc – Nam thì tại điểm đó có từ trường.

**Câu 3.** Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấptế bào là:

A. nước, hàm lượng khí carbon dioxide, hàm lượng khí oxygen.

B. nước, hàm lượng khí oxygen, hàm lượng khí carbon dioxide, nhiệt độ.

C. nước, hàm lượng khí oxygen, ánh sáng, nhiệt độ.

D. nước, hàm lượng khí carbon dioxide, nhiệt độ.

**Câu 4:** Vai trò của quá trình thoát hơi nước ở lá là

A.Giúp hạ nhiệt cho cây

B. Như lực kéo giúp vận chuyển dòng nước và các chất khoáng từ rễ lên lá và các bộ phận khác của cây trên mặt đất

C. Tạo điều kiện cho CO2 đi vào trong tế bào để cung cấp nguyên liệu cho quang hợp

D. Cả A,B,C đều đúng

**Câu 5:** Hệ cơ quan nào ở người có vai trò vận chuyển các chất trong cơ thể?

A. Hệ bài tiết B. Hệ hô hấp

C. Hệ tuần hoàn D. Hệ tiêu hóa

**Câu 6.** Sản phẩm của quang hợp là:

A. ánh sáng, diệp lục. B. oxygen, glucose.

C. nước, carbon dioxide. D. glucose, nước.

**Câu 7.** Con đường đi của máu và các chất dinh dưỡng trong vòng tuần hoàn nhỏ:

A. Tim->Phổi->tim B. Tim->Phổi-> Các cơ quan

C. Tim-> Các cơ quan -> Tim D. Tim-> Phổi-> Các cơ quan-> Tim

**Câu 8.** Trong những đặc điểm sau thì con đường thoát hơi nước qua khí khổng gồm những đặc điểm nào?

(1) Được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.

(2) Tốc độ thoát hơi nước nhanh.

(3) Không được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.

(4) Tốc độ thoát hơi nước chậm.

A. (1), (2). B. (2), (3).

C. (3), (4). D. (1),(4).

**Câu 9:** Cảm ứng ở sinh vật là

A. phản ứng của sinh vật đối với các kích thích từ bên trong cơ thể.

B. phản ứng của động vật với các kích thích từ môi trường bên ngoài

C. phản ứng của sinh vật với các kích thích từ môi trường bên ngoài.

D. các phản ứng chỉ xảy ra ở động vật mà không xảy ra trên thực vật.

**Câu 10:** Từ trường không tồn tại ở đâu?

A. Xung quanh điện tích đứng im

B. Xung quanh dòng điện

C. Xung quanh nam châm

D. Xung quanh Trái Đất

**Câu 11.** Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào **không phải** là cảm ứng của thực vật?

A. Lá cây bàng rụng vào mùa hè.

B. Lá cây xoan rụng khi có gió thổi mạnh.

C. Hoa hướng dương hướng về mặt trời.

D. cây nắp ấm bắt mồi.

**Câu 12.** Sinh trưởng ở sinh vật là

A. sự tăng về khối lượng của cơ thể do sự tăng lên về số lượng và kích thước tế bào, nhờ đó cơ thể lớn lên.

B. sự tăng về kích thước và khối lượng của cơ thể do sự tăng lên về khối lượng và kích thước tế bào, nhờ đó cơ thể lớn lên.

C. sự tăng về kích thước và khối lượng của cơ thể nhờ đó cơ thể lớn lên.

D. sự tăng về kích thước và khối lượng của cơ thể do sự tăng lên về số lượng và kích thước tế bào, nhờ đó cơ thể lớn lên.

**Câu 13.** Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng có vai trò quan trọng đối với

A. sự chuyển hóa của sinh vật.

B. sự biến đổi các chất.

C. sự sống của sinh vật.

D. sự trao đổi năng lượng.

**Câu 14:** Mô phân sinh đỉnh giúp thân, cành và rễ tăng lên về

A. chiều dài. B. chiều rộng.

C. khối lượng. D. trọng lượng.

**Câu 15:** **Trong các loài hoa dưới đây, loài hoa đơn tính là**

|  |
| --- |
| 1. Hoa ly. 2. Hoa mướp. 3. Hoa đào. 4. Hoa phượng. |

**Câu 16.** Sinh sản hữu tính ở sinh vật là quá trình

A. tạo ra cơ thể mới từ một phần của cơ thể mẹ hoặc bố.

B. hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành bào tử, bào tử phát triển thành cơ thể mới.

C. hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử, hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

D. tạo ra cơ thể mới từ cơ quan sinh dưỡng của cơ thể mẹ.

**Câu 17.** Phương pháp nhân giống cây trồng nào sau đây cho ra số cây giống nhanh, đồng loạt, số lượng lớn, giá thành rẻ?

A. Giâm cành. B. Chiết cành.

C. Ghép cây. D. Nhân giống vô tính trong ống nghiệm.

**Câu 18:** Các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến sinh sản là:

A. đặc điểm di truyền, chế độ dinh dưỡng, tuổi của sinh vật

B. tuổi của sinh vật, hormone, nhiệt độ.

C. đặc điểm di truyền, hormone, tuổi của sinh vật.

D. ánh sáng, nhiệt độ, chế độ dinh dưỡng.

**Câu 19.** Cây rau lang được trồng bằng cách giâm cành là hình thức sinh sản nào?

A. Sinh sản sinh dưỡng B. Sinh sản bằng chồi.

C. Sinh sản bằng rễ. D. Sinh sản bằng ngọn.

**Câu 20:** Quá trình sinh sản hữu tính diễn ra theo trình tự:

A. thụ phấn -> Thụ tinh -> Tạo giao tử -> Hình thành quả và hạt.

B. tạo giao tử -> Thụ phấn -> Thụ tinh -> Hình thành quả và hạt.

B. tạo giao tử -> Thụ tinh -> Thụ phấn -> Hình thành quả và hạt.

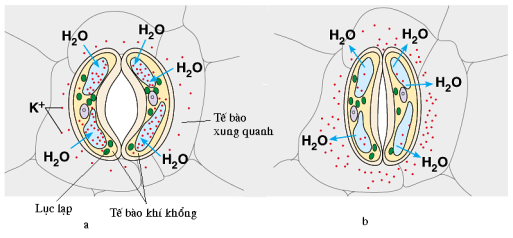
C. hình thành quả và hạt -> Tạo giao tử -> Thụ phấn -> Thụ tinh.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 ĐIỂM)**

**Câu 21 (1,0 điểm). VD**Trong thời điểm mùa mưa từ tháng 3 đến tháng 8 muỗi sinh sản và phát triển rất mạnh. Học sinh trường em đi học bị đốt rất nhiều gây ngứa ngáy, khó chịu, thậm chí có bạn còn bị sốt xuất huyết. Bằng hiểu biết của mình về vòng đời của muỗi em hãy đề ra biện pháp tiêu diệt muỗi hiệu quả nhất và giải thích cơ sở khoa học của biện pháp đó?

**Câu 22 (1,0 điểm). VDC** Bạn Minh lớp e mặc dù đã học lớp 7 nhưng chỉ cao 1,45m, nặng 28kg. Bạn đi khám bác sỹ kết luận bạn bị suy dinh dưỡng. Em hãy giải thích nguyên nhân gây ra bệnh suy dinh dưỡng ở bạn mình.?

**Câu 23 (1,0 điểm)**. VDDựa vào những hiểu biết về tập tính của các loài động vật em hãy lấy ví dụ việc con người đã ứng dụng những hiểu biết đó vào đời sống?

**Câu 24 (0,75 điểm). NB**Sinh sản vô tính là gì? Cho ví dụ về sinh sản vô tính ở thực vật và động vật?

**Câu 25 (1,25 điểm). TH** Dựa vào hình ảnh bên mô tả cấu tạo và chức năng của khí khổng ở lá?

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2**

1. **TNKQ (5,0 điểm):** Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| Đ/A | C | A | B | D | C | B | A | A | C | A | B | D | C | A | B | C | D | C | A | B |

**Phần II: Tự luận: (5,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 21**  (1,0 điểm) | - Để tiêu diệt muỗi hiệu quả, việc đầu tiên em sẽ làm là loại bỏ các vũng nước đọng quanh trường.  - Giải thích cơ sở khoa học của việc làm trên: Vòng đời phát triển của muỗi là:  Trứng 🡪 Ấu trùng 🡪 Nhộng 🡪 Con trưởng thành  Ở giai đoạn trứng và ấu trùng của muỗi thì chúng chưa gây hại cho con người nên chúng ta dễ dàng tác động nhất trong vòng đời của chúng. Vì thế khi loại bỏ các vũng nước đọng muỗi sẽ không có nơi đẻ trứng hoặc ấu trùng muỗi sẽ không có nơi trú ngụ và chết. | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 22**  (1,0 điểm) | - Bệnh suy dinh dưỡng ở trẻ em do quá trình chuyển hóa và trao đổi năng lượng chi phối.  - Nguyên nhân dẫn đến bạn bị suy dinh dưỡng có thể do:  + Trẻ kém ăn, không được cung cấp đủ dinh dưỡng dẫn đến cơ thể không đủ năng lượng để thực hiện các hoạt động sinh trưởng và phát triển bình thường -> còi cọc, suy dinh dưỡng.  + Dù được cung cấp đủ nguồn dinh dưỡng nhưng trẻ bị rối loạn trao đổi chất và năng lượng làm cho trẻ không thể tiến hành hấp thụ và chuyển hóa từ đó dẫn đến rối loạn các chức năng sống, sinh trưởng và phát triển -> còi cọc, suy dinh dưỡng. | 0,5 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| **Câu 23**  (1,0 điểm) | Một số ví dụ về ứng dụng những hiểu biết về tập tính vào đời sống :  - Dựa vào tập tính kiếm ăn, săn mồi: con người đã sử dụng 1 số loài động vật để phục vụ cho việc săn bắn: chim ưng tìm kiếm con mồi, chó săn săn mồi,…  - Dựa vào tập tính chăm sóc trứng và con non, con người đã ứng dụng vào việc bảo vệ mùa màng: ong mắt đỏ thường bắt sâu, tiêm dịch cho tê liệt chuẩn bị làm thức ăn cho con non hoặc trực tiếp đẻ trứng và kí sinh trên cơ thể các nhóm sâu đục thân, sâu xanh, sâu tơ,…rồi khi trứng nở con, ấu trùng sẽ dần ăn thịt những con sâu non này.  - Lợi dụng tập tính hướng sáng và giả chết khi đụng phải vật lạ của bọ cánh cứng: có thể làm bẫy đèn để bắt chúng (không cần dùng tới hóa chất)  - Dựa vào những tập tính học được của động vật mà con người đã ứng dụng trong An ninh quốc phòng: chó để bắt ma túy và tội pham, tuần tra an ninh. | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| **Câu 24**  (0,75 điểm) | * Sinh sản vô tính là: Hình thức sinh sản không có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái, cơ thể con được tạo thành từ 1 phần của cơ thể mẹ * Ví dụ: + Ở động vật: Trùng roi sinh sản theo hình thức phân đôi cơ thể   + Ở thực vật: Sinh sản vô tính bằng lá ở cây bỏng. | 0,5 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| **Câu 25**  **(1,25 điểm)** | * Cấu tạo: Mỗi khí khổng gồm 2 tế bào hình hạt đậu nằm áp sát nhau, thành ngoài mỏng, thành trong dày. * Chức năng:   + Trao đổi khí  . Trong quá trình quang hợp: Khí khổng mở cho khí CO2 từ môi trường khuếch tán vào lá và khí O2 từ lá khuếch tán ra môi trường.  . Trong quá trình hô hấp: Khí khổng mở cho khí O2 từ môi trường khuếch tán vào lá và khí CO2 từ lá khuếch tán ra môi trường.  + Thực hiện quá trình thoát hơi nước cho cây | 0,5 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |